TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƠN THÀNH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 46/2022/HS-ST
Ngày: 15 - 6 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- THÀNH phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Văn Vân
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Xuân Thiều
Ông Phạm Minh Sơn

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Vi – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn TH2nh, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Phước Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022 tại Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 16/2022/HSST ngày 28 tháng 02 năm 2022 theo Quyết Đ2 đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXXST-HS ngày 04/4/2022 đối với bị cáo:

Đào Ngọc Đ, sinh năm 1989;tại: Thái Bình, Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Bích D, xã Thái T, huyện Thái T, tỉnh Thái Bình;Nơi ở trước khi bị bắt: số nH2 131, đường Gò D, phường Tân Q, quận Tân P, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Đào Ngọc Đ, sinh năm 1966 và bà Lê Thị Tr, sinh năm 1967; Vợ tên Vũ Thị L (đã ly hôn) có 03 người con, lớn nhất 2010, nhỏ nhất 2014; Tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2021 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị Ngọc H2, sinh năm 1973; Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã TH2nh Tâm, huyện Chơn TH2nh, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

2. Bà Vũ Thị Mỹ L, sinh năm 1960; Địa chỉ cư trú: Tổ 7, khu phố Tàu Ô, thị trấn Tân K, tỉnh Bình Phước.(Vắng mặt)

3. Bà Vũ Thị T1, sinh năm 1956; Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã Minh T, huyện Chơn Th, tỉnh Bình Phước.(vắng mặt)

4. Chị Phùng Thị Kiều T, sinh năm 1991; Địa chỉ cư trú: Khu phố 3, thị trấn Chơn T, huyện Chơn Th, tỉnh Bình Phước.(Vắng mặt)

5.Bà Trương Thị M, sinh năm 1950; Địa chỉ cư trú: Tổ 7, ấp 1, xã Minh T, huyện Chơn T, tỉnh Bình Phước.(vắng mặt)

6. Bà Cao Thị D, sinh năm 1971; Địa chỉ cư trú: Tổ 2, ấp 5, xã Minh L, huyện Chơn Th, tỉnh Bình Phước.(vắng mặt)

7. Anh Trần Văn Đ1, sinh năm 1985; Địa chỉ cư trú: Tổ 4B, ấp 2, xã Minh H, huyện Chơn Th, tỉnh Bình Phước.(Vắng mặt)

8. Chị N, tỉnh Bình Phước.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng tháng 9 năm 2019, Đào Ngọc Đ thuê Lê Ngọc Đ2 thực hiện cho vay, thu tiền lãi suất tại địa bàn huyện Chơn TH2nh và một số địa bàn lân cận với tiền công là 5.000.000 đồng/tháng và lo chi phí bao ăn, ở. Thời gian đầu, Đ và Đ2 đi cùng và Đ giới thiệu với người vay, hướng dẫn cách thức thu tiền, số tiền thu của từng người vay. Sau đó, Đ2 tự đi thu tiền một mình rồi báo lại cho Đ số thu tiền trong ngày, giao tiền lại cho Đ quản lý; Đ giữ tất cả sổ liên quan đến hoạt động cho vay.

Từ khoảng tháng 01 năm 2020, khi Đ giao lại toàn bộ việc cho vay, thu lãi suất, ghi chép vào sổ cho Đ2 và hằng ngày đều báo cho Đ biết. Khi Đ yêu cầu chuyển tiền thì Đ2 chuyển tiền vào tài khoản số 109869101706 của Đ mở tại Ngân H2ng VietinBank chi nhánh Chơn TH2nh.

Lợi dụng nhu cầu cần vay tiền nhanh, không cần làm các thủ tục vay của một số người kinh doanh, buôn bán nhỏ lẻ để sử dụng vào mục đích cá nhân, Đ và Đ2 đã cho vay thu lợi bất chính. Đ2 phát Nều tờ rơi để khi có người cần vay tiền thì gọi điện thoại, Đ2, Đ sẽ đến gặp tại địa điểm buôn bán hoặc tại nơi ở. Sau khi thỏa thuận thống nhất về số tiền vay, số ngày góp, số tiền góp, người vay chỉ cần đưa giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình và đa phần không làm hợp đồng, chỉ một số trường hợp có làm giấy vay tiền khi vay lần đầu. Tùy theo nhu cầu vay và khả năng góp tiền của người vay, Đ, Đ2 đưa ra các gói vay như: vay 5.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày 250.000 đồng; vay 10.000.000 đồng, góp trong vòng 30 ngày, mỗi ngày 400.000 đồng…v.v. tương đương lãi suất từ 0,667%/ngày đến 01%/ngày. Trong quá trình trả góp, nếu người vay có nhu cầu vay tiền khi đang trả góp thì được vay tiếp (đáo lại), số tiền có thể bằng hoặc cao hơn số tiền đã vay. Tuy Nên, khi vay tiền, bị can sẽ cộng số tiền góp mà người vay còn nợ và trừ vào khoản tiền vay mới, số tiền còn lại sẽ đưa cho

người vay để tiếp tục trả góp theo lần vay mới. Từ tháng 01 năm 2020 đến tháng 7 năm 2020, Đ2 đã chuyển cho Đ tổng số tiền 169.800.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chơn TH2nh đã tiến H2nh xác minh, làm rõ Đ và Đ2 đã 03 lần cho 08 người vay tiền trên địa bàn huyện Chơn TH2nh, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất:

Bà Lê Thị Ngọc H2: tháng 11 năm 2019, bà H2 vay 40.000.000 đồng, trả góp trong 30 ngày, mỗi ngày góp 1.600.000 đồng, lãi suất 0,667%/ngày. Khi vay tiền, bà H2 thế chấp 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 020795 do con trai tên Nguyễn Quốc Dương đứng tên chủ sở hữu. Sau đó, bà H2 vay đáo lại 02 lần với cùng số tiền vay và mức góp. Từ ngày 05 tháng 01 năm 2020 đến ngày 01 tháng 02 năm 2020, bà H2 vay của Đ 05 lần, mỗi lần vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 30 ngày, mỗi ngày góp 400.000 đồng và 01 lần vay 20.000.000 đồng, trả góp trong 30 ngày, mỗi ngày góp 800.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền bà H2 đã vay Đ, Đ2 là 200.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 240.000.000 đồng, bà H2 đã trả số tiền 183.200.000 đồng, còn nợ 58.600.000 đồng. Ngoài ra, khi vay tiền bà H2 phải đóng khoản phí vay 40.000 đồng/1.000.000 đồng, tổng cộng 8.000.000 đồng. Như vậy, số tiền thu lợi bất chính đã thu được là 36.014.333 đồng.

Lần thứ hai:

Bà Vũ Thị Mỹ L (trong danh sách thu tiền bị can ghi tên L Thủy): tháng 02 năm 2020, bà L vay 40.000.000 đồng, trả góp trong 24 ngày, mỗi ngày góp 2.000.000 đồng, lãi suất 0,833%/ngày. Tổng số tiền bà L phải trả là 48.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 40.000.000 đồng, tiền lãi 8.000.000 đồng. Sau đó, bà L vay đáo lại 05 lần với cùng số tiền vay và mức góp. Như vậy, bà L vay 06 lần với tổng số tiền 240.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 288.000.000 đồng. Bà L đã trả 244.000.000 đồng, còn nợ 44.000.000 đồng. Ngoài ra, bà L phải trả khoản phí vay 40.000 đồng/1.000.000 đồng, tổng cộng 9.600.000 đồng. Như vậy, số tiền thu lợi bất chính đã thu được là 47.582.667 đồng.

Lần thứ ba:

Bà Vũ Thị T1 (trong danh sách thu tiền bị can ghi tên T1): từ khoảng tháng 8 năm 2018, bà T1 bắt đầu vay tiền góp của Đ. Mỗi lần bà T1 vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 30 ngày, mỗi ngày góp 400.000 đồng, lãi suất 0,667%/ngày. Từ khoảng tháng 9 năm 2019 đến tháng 7 năm 2020, bà T1 vay của Đ tổng cộng 10 lần cùng số tiền vay và mức góp. Ngoài ra, bà T1 còn vay thêm 01 gói 5.000.000 đồng, trả góp trong 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000 đồng. Lần vay cuối cùng vào tháng 5 năm 2020, bà T1 mới góp được 20 ngày với tổng số tiền 8.000.000 đồng, còn nợ 4.000.000 đồng. Như vậy, bà T1 vay tổng cộng 105.000.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 126.000.000 đồng, bà T1 đã trả

122.000.000 đồng, còn nợ 4.000.000 đồng. Ngoài ra, mỗi lần vay bà T1 phải trả khoản phí vay 40.000 đồng/1.000.000 đồng, tổng cộng 4.200.000 đồng. Như vậy, số tiền thu lợi bất chính bị can đã thu được khi cho bà T1 vay tiền là 22.855.833 đồng.

- Chị Phùng Thị Kiều T (trong danh sách thu tiền bị can ghi tên T bia): tháng 01 năm 2020, chị T vay 10.000.000 đồng, trả góp trong 30 ngày, mỗi ngày góp 400.000 đồng; sau đó, vay đáo lại 01 lần với cùng số tiền vay và mức góp. Lần vay thứ hai, chị T mới góp được 16 ngày với tổng số tiền 6.400.000 đồng, còn nợ 5.600.000 đồng. Ngoài ra, tháng 01 năm 2020, chị T vay 10.000.000 đồng tiền đứng với mức lãi suất 01%/ngày, với gói vay này, chị T đã trả được 03 tháng tiền lãi tổng cộng 9.000.000 đồng, vẫn còn nợ 10.000.000 đồng tiền gốc. Ngoài ra, quá trình vay chị T phải trả khoản phí vay 50.000 đồng/1.000.000 đồng, tổng cộng 1.500.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính bị can thu được là 12.818.667 đồng.

- Bà Trương Thị M (trong danh sách thu tiền bị can ghi tên M T1): tháng 01 năm 2020, bà M vay 15.000.000 đồng, lãi suất 01%/ngày (thường gọi là tiền đứng). Sau đó, bà M đã trả 22.200.000 đồng, gồm tiền gốc 15.000.000 đồng và tiền lãi 7.200.000 đồng; tháng 3 năm 2020, bà M tiếp tục vay 15.000.000 đồng, lãi suất 01%/ngày, đến ngày 29 tháng 3 năm 2020, bà M đã trả 17.500.000 đồng, gồm tiền gốc 15.000.000 đồng và tiền lãi 2.500.000 đồng, bà M trả hết cho Đ2. Ngoài ra, khi vay tiền bà M phải trả khoản phí vay tổng cộng 1.200.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính bị can thu được là 10.366.500 đồng.

- Bà Cao Thị D, sinh năm 1971 (trong danh sách thu tiền bị can ghi bà D Minh Long): tháng 02 năm 2020, bà D vay 10.000.000 đồng tiền đứng, lãi suất 01%/ngày, đến ngày 12 tháng 4 năm 2020, bà D đã trả đủ 12.700.000 đồng, trong đó tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 2.700.000 đồng. Sau đó, tháng 4 năm 2020, bà D tiếp tục vay 3.000.000 đồng tiền đứng, lãi suất 01%/ngày, bà D đã trả được 02 tháng tiền lãi với tổng số tiền 1.780.000 đồng; tháng 6 năm 2020, bà D tiếp tục vay 3.000.000 đồng tiền đứng, lãi suất 01%/ngày và đóng được 01 tháng tiền lãi với số tiền 890.000 đồng, bà D còn nợ 6.000.000 đồng. Ngoài ra, khi vay tiền bà D phải trả khoản phí vay tổng cộng 1.100.000 đồng. Như vậy, số tiền thu lợi bất chính thu được là 6.174.650 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Yến N (trong danh sách thu tiền bị can ghi tên là Yến bia): ngày 02 tháng 3 năm 2020, chị Phùng Thị Kiều T giới thiệu chị N vay 5.000.000 đồng, trả góp trong 30 ngày, mỗi ngày góp 200.000 đồng, lãi suất 0,667%/ngày. Tổng số tiền chị N phải trả là 6.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 5.000.000 đồng, tiền lãi 1.000.000 đồng. Chị N đã trả hết số tiền trên. Ngoài ra, quá trình vay chị N phải trả khoản phí vay 250.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính thu được là 1.167.500 đồng.

- Anh Trần Văn Đ1 (trong danh sách thu tiền bị can ghi tên Đ1 MH): ngày 25 tháng 5 năm 2020, anh Đ1 vay 25.000.000 đồng, trả góp trong 30 ngày, mỗi ngày góp 1.000.000 đồng, lãi suất 0,667%/ngày. Ngày 22 tháng 6 năm 2020, anh Đ1 nâng số tiền vay lên 50.000.000 đồng, trả góp trong 30 ngày, mỗi ngày 2.000.000 đồng, lãi suất 0,667%/ngày. Anh Đ1 đã trả góp được 15 ngày với tổng số tiền 30.000.000 đồng, còn nợ 30.000.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính bị can đã thu được là 9.175.000 đồng.

Như vậy, từ tháng 9 năm 2019 đến ngày 06 tháng 7 năm 2020, Đào Ngọc Đ và Lê Ngọc Đ2 đã 03 lần cho 08 người trên địa bàn huyện Chơn TH2nh vay 701.000.000 đồng, thu lợi bất chính 146.155.150 đồng (Bút lục số: 108, 109, 114 - 119).

Về vật chứng: Đã được tạm giữ đã giải quyết tại bản án hình sự sơ thẩm số 21/2021/HS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Chơn TH2nh, tỉnh Bình Phước nên không xét đến.

Bản cáo trạng số 08/Ctr-VKS ngày 29/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn TH2nh, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Đào Ngọc Đ về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn TH2nh giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ H2nh vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đã tH2nh khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết Đ2 truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Đào Ngọc Đ phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" và áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, 50 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án từ 12 đến 15 tháng tù.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn TH2nh còn đề nghị xử lý vật chứng và các vấn đề khác của vụ án theo qui Đ2 của pháp luật.

Tại phiên tòa: Bị cáo Đào Ngọc Đ thừa nhận toàn bộ H2nh vi của mình như bản Cáo trạng đã truy tố.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về H2nh vi, quyết Đ2 tố tụng của Cơ quan tiến H2nh tố tụng, người tiến H2nh tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy Đ2 của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về H2nh vi, quyết Đ2 của Cơ quan tiến H2nh tố tụng, người tiến H2nh tố tụng. Do đó, các H2nh vi, quyết Đ2 tố tụng

của Cơ quan tiến H2nh tố tụng, người có thẩm quyền tiến H2nh tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quanvắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với các lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Từ tháng 9 năm 2019 đến ngày 06 tháng 7 năm 2020 trên địa bàn huyện Chơn TH2nh bị cáo Đào Ngọc Đ và Lê Ngọc Đ2 đã trực tiếp 03 lần cho 08 người vay tiền với mức lãi suất từ 0,667%/ngày đến 01%/ngày, tương đương từ 20% đến 30%/tháng, tương ứng 240% đến 360%/năm, gấp 12 đến 15 lần mức lãi suất do Bộ luật dân sự quy Đ2 là 20%/năm, với số tiền dùng để cho vay là 701.000.000 đồng, thu lợi bất chính là 146.155.150 đồng.

Như vậy, H2nh vi của Đào Ngọc Đ đủ yếu tố cấu tH2nh tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy Đ2 tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

H2nh vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của NH2 nước về lĩnh vực tiền tệ đã được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình tình trật tự, trị an của địa phương. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp; bị cáo đủ tuổi chịu trách Nệm hình sự; đủ năng lực nhận thức và điều khiển H2nh vi của mình. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn TH2nh, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng quy Đ2 pháp luật.

[3]. Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách Nệm hình sự:

[3.1]. Về tình tiết tăng nặng trách Nệm hình sự: Bị cáo Nều lần thực hiện H2nh vi cho vay lãi nặng, tổng số tiền thu lợi bất chính của các lần phạm tội hơn 100.000.000 đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách Nệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" quy Đ2 tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3.2]. Về tình tiết giảm nhẹ trách Nệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo tH2nh khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có nhân thân chưa tiền án, tiền sự. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách Nệm hình sự quy Đ2 tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4]. Về hình phạt bổ sung, theo quy Đ2 tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xét thấy bị cáo là lao động tự do, không có nghề

nghiệp, thu nhập không ổn Đ2. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết Đ2 không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn trong đó bị cáo Đào Ngọc Đ là người trực tiếp thực hiện H2nh vi phạm tội, bị cáo còn thuê Lê Ngọc Đ2 giữ giúp sức cho bị cáo đi thu tiền vay. Sau khi biết Lê Ngọc Đ2 bị bắt thì bị cáo còn bỏ trốn và bị truy nã. Do đó, cần phải xử bị cáo mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian có tác dụng giáo dục bị cáo cũng như phục vụ công tác phòng chống tội phạm.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn TH2nh, tỉnh Bình Phước về tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt là có căn cứ, phù hợp với nhận Đ2 của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]. Về biện pháp tư pháp:

Số tiền vốn ban đầu (được xác Đ2 là số tiền vốn cho vay lần đầu tiên và số tiền đáo lại Nều hơn số tiền vay lần đầu) Đào Ngọc Đ sử dụng để cho người vay tiền là phương tiện phạm tội, cần tịch thu sung quỹ nH2 nước là 180.000.000 đồng.

Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 9.364.850 đồng. Đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên truy thu từ Đào Ngọc Đ để tịch thu sung quỹ NH2 nước.

Khoản tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm là 120.305.150 đồng, tiền phí khi cho vay là 25.850.000 đồng và số tiền gốc còn nợ là 152.600.000 đồng mà các người vay chưa thanh toán. Sau khi lấy số tiền lãi thu vượt 20% "cộng" phí vay "trừ" đi số tiền nợ gốc mà người vay chưa trả (nếu có), thì số tiền này sẽ được Đ trả cho những người vay hoặc truy thu người vay để sung ngân sách nH2 nước cụ thể:

Buộc bị cáo Đào Ngọc Đ trả cho những người vay sau: Trả cho Vũ Thị Mỹ L số tiền 3.582.667đ; trả cho Vũ Thị T1 số tiền 18.855.833đ; trả cho Trương Thị M số tiền 10.366.500đ; trả cho Cao Thị D số tiền 174.650đ; trả cho Nguyễn Thị Yến N số tiền 1.167.500đ;

Truy thu từ những người vay để sung ngân sách nH2 nước, cụ thể: Truy thu của Lê Thị Ngọc H2 số tiền 22.585.667đ; truy thu của Phùng Thị Kiều T số tiền 147.167đ; truy thu của Trần Văn Đ1 số tiền 20.825.000đ.

[7]. Án phí hình sự sơ thẩmbị cáo phải chịu theo luật Đ2.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

1. Tuyên bố: Bị cáo Đào Ngọc Đ phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Xử phạt bị cáo Đào Ngọc Đ 01(Một) năm 03 (Ba) tháng tù,thời gian chấp H2nh hình phạt tù tính từ ngày 28/12/2021.

3.Về các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Buộc bị cáo Đào Ngọc Đ nộp sung quỹ nH2 nước số tiền180.000.000 đồng là tiền vốn cho vay và số tiền 9.364.850 đồng là tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm.

Buộc bị cáo Đào Ngọc Đ trả lại cho những người vay sau: Trả cho Vũ Thị Mỹ L số tiền 3.582.667đ; trả cho Vũ Thị T1 số tiền 18.855.833đ; trả cho Trương Thị M số tiền 10.366.500đ; trả cho Cao Thị D số tiền 174.650đ; trả cho Nguyễn Thị Yến N số tiền 1.167.500đ;

Truy thu từ những người vay để sung ngân sách nH2 nước, cụ thể: Truy thu của Lê Thị Ngọc H2 số tiền 22.585.667đ; truy thu của Phùng Thị Kiều T số tiền 147.167đ; truy thu của Trần Văn Đ1 số tiền 20.825.000đ.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy Đ2 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống Đ1 hoặc niêm yết hợp lệ.

<u>Nơi nhận</u>:
- *TAND tỉnh Bình Phước*
- *VKSND tỉnh Bình Phước*
- *VKSND huyện Chơn TH2nh;*
- *CCTHADS huyện Chơn TH2nh;*
- *CA huyện Chơn TH2nh;*
- *UBND nơi cư trú của bị cáo;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Võ Văn Vân

HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
	Võ Văn Vân